

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội

Thực hiện Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 12/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Thí điểm đổi mới hoạt động đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật” (sau đây viết tắt là Đề án); Quyết định số 1666/QĐ-BTP ngày 09/09/2024 của Bộ Tư pháp về ban hành Tiêu chí chung đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (sau đây viết tắt là Quyết định số 1666/QĐ-BTP). Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn Thành phố với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Đề án trên địa bàn Thành phố. Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Yêu cầu

- Tiêu chí đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL được xây dựng trên cơ sở kết cấu và nội dung quy định tại Quyết định số 1666/QĐ-BTP.
- Xác định phương pháp, cách thức đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL bảo đảm khoa học, khả thi, linh hoạt, phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của từng hoạt động PBGDPL, bảo đảm khả năng lượng hóa trên cơ sở so sánh kết quả dự kiến với kết quả thực tế đạt được trong từng hoạt động PBGDPL.
- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch. Lượng hoá chất lượng đầu ra của công tác quản lý nhà nước về PBGDPL và từng hoạt động PBGDPL cụ thể.

II. PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện

Việc đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL được thực hiện trong 02 năm (năm 2025, năm 2026).

2. Phạm vi áp dụng

a) Đối tượng đánh giá: Việc đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL được thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội gồm: các sở, ban, ngành, đoàn thể,

đơn vị có đại diện trong thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố (riêng Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Dân tộc Thành phố thực hiện đánh giá thí điểm theo ngành dọc); UBND quận, huyện, thị xã thuộc Thành phố.

b) Nội dung đánh giá: Đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL chung và hiệu quả công tác phổ biến giáo dục Luật Thủ đô năm 2024 thông qua 02 nội dung:

- Chất lượng hoạt động quản lý nhà nước về công tác PBGDPL.
- Kết quả đầu ra của các hoạt động PBGDPL về Luật Thủ đô năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức khảo sát thực trạng việc đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

- a) Cơ quan chủ trì: UBND Thành phố (Sở Tư pháp tham mưu)
- b) Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- c) Thời gian thực hiện: Năm 2025, 2026.

2. Xây dựng Tiêu chí riêng đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn Thành phố

- a) Cơ quan chủ trì: UBND Thành phố (Sở Tư pháp tham mưu)
- b) Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- c) Thời gian thực hiện: Quý IV/2024.

3. Tổ chức tọa đàm, hội thảo, diễn đàn trao đổi về thực trạng, các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

- a) Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành Thành phố; UBND quận, huyện, thị xã và đơn vị liên quan.
- b) Thời gian thực hiện: Năm 2025, 2026.

4. Xây dựng, ban hành văn bản, tài liệu hướng dẫn về đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.
- b) Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- c) Thời gian thực hiện: Năm 2024, 2025, 2026

5. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, nâng cao năng lực cho tổ chức, cá nhân thực hiện đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

a) Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành Thành phố; UBND quận, huyện, thị xã và đơn vị liên quan.

b) Thời gian thực hiện: Quý I, II /2025.

6. Xây dựng kế hoạch khảo sát, tổ chức khảo sát và tổng hợp kết quả khảo sát đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

a) Cơ quan chủ trì: UBND Thành phố (Sở Tư pháp tham mưu); các sở, ban, ngành Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

b) Thời gian thực hiện: Năm 2025.

7. Tổ chức tự đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo khung tiêu chí

a) Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị Thành phố có đại diện trong thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố (cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp UBND Thành phố về lĩnh vực Lao động – Thương binh và Xã hội, cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp UBND Thành phố về lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp UBND Thành phố về công tác dân tộc); UBND các quận, huyện, thị xã.

b) Mốc thời gian để tính đánh giá, chấm điểm

- Hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tự đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL tại các cơ quan, đơn vị, địa phương (Thông tin, số liệu tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm tự đánh giá).

- Mốc thời gian để tính kỳ đầu đánh giá là ngày 01/01/2025. Thời điểm ấn định các thông tin, số liệu để đánh giá, chấm điểm là ngày 31 tháng 12 của năm thứ hai tính từ thời điểm đánh giá kỳ trước. Thời điểm kết thúc kỳ đánh giá lần đầu là ngày 31/12/2026.

c) Nội dung khung tiêu chí đánh giá (*Theo Phụ lục gửi kèm*)

d) Nguyên tắc tự đánh giá:

- Điểm tối đa được chấm đối với tiêu chí khi các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng theo tiêu chí đặt ra.

- Thang điểm được xác định tương ứng với từng mức độ hiệu quả thực hiện nhiệm vụ mà các cơ quan, đơn vị, địa phương đạt được đối với từng tiêu chí. Đối với các tiêu chí tự chấm không đạt mức điểm tối đa, các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện trừ điểm, nêu rõ lý do và tài liệu kiểm chứng cụ thể (nếu có).

8. Tổng hợp kết quả tự đánh giá thí điểm công tác PBGDPL

a) Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp

b) Thời gian: Hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi báo cáo kết quả tự đánh giá thí điểm về UBND Thành phố (qua Sở Tư pháp) trước ngày 10 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá.

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá thí điểm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và kết quả theo dõi, quản lý, Sở Tư pháp tiến hành tổng hợp kết quả tự đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL của các cơ quan, đơn vị, địa phương, báo cáo kết quả về UBND Thành phố trước ngày 15 tháng 01 của năm liền kề sau năm cuối của kỳ đánh giá.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định và từ các nguồn kinh phí huy động, các nguồn kinh phí hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ tại Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm thực hiện công tác PBGDPL của cơ quan, đơn vị, địa phương, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp – cơ quan Thường trực của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Trong trường hợp cần thiết hoặc có nội dung chưa rõ, Sở Tư pháp đề nghị đơn vị được đánh giá gửi tài liệu kiểm chứng (báo cáo, kế hoạch, công văn, thông báo, quyết định...) để xác minh độ tin cậy của kết quả tự đánh giá, chấm điểm. Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng, đề nghị đơn vị được đánh giá giải trình về cách đánh giá, chấm điểm; tài liệu kiểm chứng được gửi kèm theo báo cáo tự đánh giá, chấm điểm.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá của các cơ quan, đơn vị, địa phương về UBND Thành phố, Bộ Tư pháp đảm bảo tiến độ.

- Tham mưu UBND Thành phố tự đánh giá, chấm điểm trong phạm vi toàn Thành phố và gửi báo cáo kết quả về Bộ Tư pháp đảm bảo tiến độ.

- Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho công chức thực hiện công tác đánh giá hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Cập nhật thông tin lên phần mềm phục vụ đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

- Tổng kết thực hiện thí điểm, tham mưu Báo cáo kết quả thực hiện thí điểm về Bộ Tư pháp, đề xuất hoàn thiện thể chế, các giải pháp khác về đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã:

- Đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền Luật Thủ đô năm 2024 trong lĩnh vực, địa phương phụ trách với các hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả.

- Thực hiện tự đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL hàng năm tại địa phương, đơn vị mình.

- Gửi báo cáo đánh giá về UBND Thành phố qua Sở Tư pháp trước ngày 10/01 của năm liền kề sau năm đánh giá.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL trên địa bàn thành phố Hà Nội, UBND Thành phố đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện, hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện trong Báo cáo định kỳ công tác PBGDPL gửi Sở Tư pháp theo quy định. Trong thời gian triển khai Kế hoạch thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL thì tạm dừng thực hiện Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 26/9/2019 của UBND Thành phố về đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL theo Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về UBND thành phố (qua Sở Tư pháp) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy; (để
- Thường trực HĐND TP; b/c)
- Chủ tịch UBND TP
- Các PCT UBND TP;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam TP;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- Công an thành phố;
- Bộ Tư lệnh Thủ đô;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VPUBTP: CVP, PCVP N.M.Quân,
Các phòng: NC, TH;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Sơn

Phụ lục
TIÊU CHÍ RIÊNG ĐÁNH GIÁ THÍ ĐIỂM HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của UBND thành phố Hà Nội)

STT (1)	Tiêu chí (2)	Nội dung đánh giá (3)	Điểm tối đa (4)	Điểm tự chấm (5)	Nguồn kiểm chứng (6)
I	Nhóm tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành trách nhiệm quản lý nhà nước về PBGDPL		45		Kế hoạch công tác PBGDPL của đơn vị, địa phương
1.1	Mức độ hoàn thành trách nhiệm xây dựng Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	8		
a)		Căn cứ xây dựng Kế hoạch:	2		
		- Phù hợp với Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL trung ương;	0.5		
		+ Phù hợp	0.5		
		+ Không phù hợp	0		
		- Phù hợp với Kế hoạch PBGDPL của Thành phố;	0.5		
		+ Phù hợp	0.5		
		+ Không phù hợp	0		
		- Có sự nghiên cứu, nắm bắt về nhu cầu thông tin pháp luật trên địa bàn quản lý làm cơ sở để xây dựng Kế hoạch.	1		
		+ Có sự nghiên cứu, nắm bắt	1		
		+ Chưa có sự nghiên cứu, nắm bắt	0		
b)		Nội dung Kế hoạch:	6		
		1. Xác định đối tượng cần được ưu tiên thụ hưởng các hoạt động PBGDPL trên địa bàn quản lý trong năm công tác.	1		
		+ Có xác định	1		
		+ Không xác định	0		
		2. Xác định những văn bản pháp luật và nội dung pháp luật trọng tâm trên địa bàn cần thực hiện PBGDPL trong năm công tác.	1		
		+ Có xác định	1		
		+ Không xác định	0		

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguồn kiểm chứng
		3. Xác định cách thức và hình thức thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể đối với từng nội dung cần PBGDPL trong năm công tác.	1		
		+ Có xác định	1		
		+ Không xác định	0		
		4. Xác định nguồn nhân lực tổ chức thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể.	1		
		+ Có xác định	1		
		+ Không xác định	0		
		5. Xác định kinh phí bảo đảm tổ chức thực hiện đối với từng hoạt động PBGDPL cụ thể.	1		
		+ Có xác định	1		
		+ Không xác định	0		
		6. Xác định kết quả dự kiến đạt được đối với các hoạt động PBGDPL cụ thể. Ví dụ: Số lượng người thụ hưởng, tác động của hoạt động đối với ý thức chấp hành pháp luật của đối tượng thụ hưởng hoặc các tác động khác tới	1		
		+ Có xác định	1		
		+ Không xác định	0		
1.2	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL/cơ quan, đơn vị trong công tác PBGDPL (nếu có). Trường hợp không ban hành thì đánh giá theo mức độ hoàn thành Kế hoạch chung ban hành về công tác PBGDPL	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	6		Báo cáo kết quả công tác PBGDPL của đơn vị, địa phương; Báo cáo kết quả thực hiện kết luận kiểm tra (nếu có)
a)		Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm trong Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL/cơ quan, đơn vị hàng năm và các nhiệm vụ trọng tâm của địa phương hoặc Kế hoạch chung ban hành về công tác PBGDPL	4		

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguồn kiểm chứng
		- Hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch□□	0.5		
		+ Có thực hiện	0.5		
		+ Không thực hiện	0		
		- Tổ chức sơ kết, tổng kết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhận diện các cách làm hay, hiệu quả trong công tác PBGDPL (Ví dụ: mô hình điển hình về công tác PBGDPL; các hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật: hội nghị trực tuyến, đối thoại, tọa đàm, tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật, tuyên truyền trên Trang/Cổng thông tin điện tử, hội nhóm zalo, facebook....)	0.5		
		+ Có thực hiện	0.5		
		+ Không thực hiện	0		
		- Tỷ lệ % nhiệm vụ hoàn thành	3		
		+ Hoàn thành 100%	3		
		+ Hoàn thành từ 90% đến dưới 100%	2.75		
		+ Hoàn thành từ 80% đến dưới 90%	2.5		
		+ Hoàn thành từ 70% đến dưới 80%	2.25		
		+ Hoàn thành từ 60% đến dưới 70%	2		
		+ Hoàn thành từ 50% đến dưới 60%	1.75		
		+ Hoàn thành dưới 50%	0		
b)		Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đột xuất ngoài kế hoạch do Thành phố hoặc do cấp ủy, chính quyền địa phương cùng cấp giao.	1		
		- Hoàn thành 100%	1		
		- Hoàn thành từ 90% đến dưới 100%	0.9		
		- Hoàn thành từ 80% đến dưới 90%	0.8		
		- Hoàn thành từ 70% đến dưới 80%	0.7		
		- Hoàn thành từ 60% đến dưới 70%	0.6		
		- Hoàn thành từ 50% đến dưới 60%	0.5		
		- Hoàn thành dưới 50%	0		

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguồn kiểm chứng
c)		Mức độ hoàn thành việc tổ chức các Đoàn kiểm tra của Thành phố hoặc Hội đồng phối hợp PBGDPL cùng cấp và các thành viên Hội đồng tại các địa phương, cơ quan, đơn vị theo Kế hoạch.	1		
		- Hoàn thành 100%	1		
		- Hoàn thành từ 90% đến dưới 100%	0.9		
		- Hoàn thành từ 80% đến dưới 90%	0.8		
		- Hoàn thành từ 70% đến dưới 80%	0.7		
		- Hoàn thành từ 60% đến dưới 70%	0.6		
		- Hoàn thành từ 50% đến dưới 60%	0.5		
		- Hoàn thành dưới 50%	0		
1.3	Mức độ bảo đảm nguồn nhân lực cho việc tổ chức thực hiện các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch PBGDPL năm đã được phê duyệt	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	6		Báo cáo về thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác PBGDPL; báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật của đơn vị, địa phương triển khai các nhiệm vụ PBGDPL trọng tâm được xác định trong Kế hoạch PBGDPL năm
a)		Tỷ lệ % tổng số lượng nhân sự được bố trí trên thực tế để triển khai các nhiệm vụ PBGDPL trọng tâm so với tổng số lượng nhân sự được xác định trong Kế hoạch.	2		
		- Bố trí 100%	2		
		- Bố trí từ 90% đến dưới 100%	1.8		
		- Bố trí từ 80% đến dưới 90%	1.6		
		- Bố trí từ 70% đến dưới 80%	1.4		
		- Bố trí từ 60% đến dưới 70%	1.2		
		- Bố trí từ 50% đến dưới 60%	1		
		- Bố trí dưới 50%	0		
b)		Tỷ lệ % các nhiệm vụ PBGDPL trọng tâm được bố trí đủ số lượng nhân sự theo Kế hoạch được phê duyệt trên tổng số nhiệm vụ trong Kế hoạch được phê duyệt.	2		
		- Bố trí 100%	2		
		- Bố trí từ 90% đến dưới 100%	1.8		

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguồn kiểm chứng
		- Bố trí từ 80% đến dưới 90%	1.6		
		- Bố trí từ 70% đến dưới 80%	1.4		
		- Bố trí từ 60% đến dưới 70%	1.2		
		- Bố trí từ 50% đến dưới 60%	1		
		- Bố trí dưới 50%	0		
1.4	Mức độ bảo đảm kinh phí cho việc thực hiện các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch PBGDPL năm đã được phê duyệt	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	6		Báo cáo, tổng kê dự toán kinh phí được phê duyệt; thanh quyết toán kinh phí triển khai công tác PBGDPL của đơn vị, địa phương
a)		Tỷ lệ % các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch PBGDPL được bố trí kinh phí riêng trên tổng số hoạt động PBGDPL đã được phê duyệt với mức chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật.	2		
		- Bố trí 100%	2		
		- Bố trí từ 90% đến dưới 100%	1.8		
		- Bố trí từ 80% đến dưới 90%	1.6		
		- Bố trí từ 70% đến dưới 80%	1.4		
		- Bố trí từ 60% đến dưới 70%	1.2		
		- Bố trí từ 50% đến dưới 60%	1		
		- Bố trí dưới 50%	0		
b)		Tỷ lệ % tổng số kinh phí thực tế được bố trí trên tổng số kinh phí được xác định trong Kế hoạch PBGDPL đã được phê duyệt với mức chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật.	2		
		- Bố trí 100%	2		
		- Bố trí từ 90% đến dưới 100%	1.8		
		- Bố trí từ 80% đến dưới 90%	1.6		
		- Bố trí từ 70% đến dưới 80%	1.4		
		- Bố trí từ 60% đến dưới 70%	1.2		
		- Bố trí từ 50% đến dưới 60%	1		
		- Bố trí dưới 50%	0		

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguồn kiểm chứng
c)		Tỷ lệ % các nhiệm vụ thực tế được bố trí đầy đủ kinh phí trên tổng số nhiệm vụ được xác định trong Kế hoạch PBGDPL đã được phê duyệt (cần được bố trí kinh phí).	2		
		- Bố trí 100%	2		
		- Bố trí từ 90% đến dưới 100%	1.8		
		- Bố trí từ 80% đến dưới 90%	1.6		
		- Bố trí từ 70% đến dưới 80%	1.4		
		- Bố trí từ 60% đến dưới 70%	1.2		
		- Bố trí từ 50% đến dưới 60%	1		
		- Bố trí dưới 50%	0		
1.5	Mức độ thực hiện xã hội hóa công tác PBGDPL	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	2		<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn hoặc chính sách khuyến khích xã hội hóa công tác PBGDPL được ban hành. - Báo cáo, số liệu thống kê kinh phí thu được từ hoạt động xã hội hóa và kinh phí từ ngân sách nhà nước. - Tổng hợp kinh phí cho công tác PBGDPL được ngân sách nhà nước cấp.
a)		Tỷ lệ % kinh phí huy động từ nguồn xã hội hóa trên tổng số kinh phí PBGDPL được xác định trong Kế hoạch.	1		
		- Huy động được 100%	1		
		- Huy động được từ 90% đến dưới 100%	0.9		
		- Huy động được từ 80% đến dưới 90%	0.8		
		- Huy động được từ 70% đến dưới 80%	0.7		
		- Huy động được từ 60% đến dưới 70%	0.6		
		- Huy động được từ 50% đến dưới 60%	0.5		
		- Huy động dưới 50%	0		
b)		Tỷ lệ % số lượng nhân sự huy động được từ nguồn xã hội hóa (đội ngũ luật sư, luật gia, người dân có kiến thức chuyên môn...) tham gia thực hiện các nhiệm vụ PBGDPL trên tổng số nhân sự triển khai các nhiệm vụ được xác định trong Kế hoạch được phê duyệt.	1		
		- Huy động được 100%	1		
		- Huy động được từ 90% đến dưới 100%	0.9		
		- Huy động được từ 80% đến dưới 90%	0.8		
		- Huy động được từ 70% đến dưới 80%	0.7		
		- Huy động được từ 60% đến dưới 70%	0.6		
		- Huy động được từ 50% đến dưới 60%	0.5		
		- Huy động được từ 50% đến dưới 60%	0.5		

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguồn kiểm chứng
		- Huy động dưới 50%	0		
1.6	Mức độ đáp ứng yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác PBGDPL	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	4		
a)		Việc xây dựng Cổng/Trang Thông tin PBGDPL hoặc chuyên mục/tiểu mục về PBGDPL thuộc Cổng/Trang thông tin của đơn vị (có/không).	1		Địa chỉ Cổng/Trang Thông tin PBGDPL, chuyên mục
		- Có xây dựng	1		
		- Không xây dựng	0		
b)		Tính đầy đủ của thông tin PBGDPL trên Cổng/Trang Thông tin PBGDPL hoặc các chuyên mục/tiểu mục về PBGDPL.	2		Báo cáo về thông tin trên Cổng/Trang Thông tin PBGDPL, chuyên mục căn cứ quy định về nội dung tại Mục III Điều 1 Quyết định số 471/QĐ-TTg
		- Đối với Cổng/Trang Thông tin PBGDPL: Có đầy đủ các chuyên mục, nội dung theo quy định tại Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 26/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019-2021”) và Kế hoạch số 325/KH-UBND ngày 21/12/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL giai đoạn 2022-2027.	0.5		
		+ Đủ chuyên mục, nội dung	0.5		
		+ Thiếu chuyên mục, nội dung	0		
		- Đối với chuyên mục/tiểu mục về PBGDPL	1.5		
		+ Đăng tải các thông tin pháp luật, PBGDPL	0.75		
		Đăng tải với tần suất từ 02 lần/tháng trở lên	0.75		
		Đăng tải với tần suất dưới 02 lần/tháng	0.5		
		Không đăng tải	0		
		+ Đăng tải thông tin, nội dung phục vụ quản lý nhà nước về PBGDPL	0.75		
		Đăng tải với tần suất từ 02 lần/tháng trở lên	0.75		
		Đăng tải với tần suất dưới 02 lần/tháng	0.5		

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguồn kiểm chứng
		Không đăng tải	0		
c)		Việc vận hành Công/Trang Thông tin PBGDPL hoặc chuyên mục/tiểu mục về PBGDPL thuộc Công/Trang thông tin của đơn vị (có/không).	1		Danh mục thông tin và thời điểm đăng tải thông tin
		- Có vận hành	1		
		- Không vận hành	0		
1.7	Mức độ hoàn thành trách nhiệm về xây dựng, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả về PBGDPL	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	3		- Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả về PBGDPL - Báo cáo kết luận, kiểm tra
a)		Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả về PBGDPL.	2.5		
		- Có ban hành văn bản	2.5		
		- Không ban hành văn bản	0		
b)		Định kỳ hàng năm kiểm tra, đánh giá chất lượng các mô hình, cách làm hiệu quả.	0.5		
		- Đánh giá, kiểm tra định kỳ	0.5		
		- Không đánh giá, kiểm tra định kỳ	0		
1.8	ĐIỂM THƯỞNG	Các đơn vị, địa phương có thành tích xuất sắc trong công tác PBGDPL:	10		Báo cáo kết quả công tác PBGDPL./Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số cải cách hành chính (PAR index) và các chỉ số khác có liên quan Các giấy khen, quyết định công nhận đối với mô hình điển hình về PBGDPL; Báo cáo tình hình vi phạm pháp luật, tình hình khiếu nại tố cáo
		-Vượt các chỉ tiêu về số lượng và chất lượng hoạt động PBGDPL	2.5		
		- Tạo ra sự lan toả sâu rộng về kiến thức pháp luật	2.5		
		- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ và lâu dài về ý thức chấp hành pháp luật	2.5		
		- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và có nhiều đổi mới sáng tạo trong công tác PBGDPL	2.5		

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguồn kiểm chứng
II	Nhóm tiêu chí đánh giá kết quả đầu ra của hoạt động phổ biến giáo dục Luật Thủ đô năm 2024		55		
2.1	Mức độ đánh giá của đối tượng thụ hưởng về chất lượng tổ chức các hoạt động phổ biến giáo dục Luật Thủ đô năm 2024	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	20		- Báo cáo tình hình tổ chức hoạt động PBGDPL; khảo sát, điều tra xã hội học theo mẫu và các báo cáo đánh giá có liên quan (nếu có) - Kết quả, mức độ quan tâm theo dõi từ khán giả, người dân đối với nội dung PBGDPL trên chương trình phát thanh, truyền hình, Cổng/Trang Thông tin điện tử, mạng xã hội...
a)		Tỷ lệ % số lượng người biết về nội dung, thông tin pháp luật được PBGDPL so với số lượng dự kiến đạt được theo Kế hoạch.	5		
		- Đạt 100%	5		
		- Đạt từ 90% đến dưới 100%	4.5		
		- Đạt từ 80% đến dưới 90%	4		
		- Đạt từ 70% đến dưới 80%	3.5		
		- Đạt từ 60% đến dưới 70%	3		
		- Đạt từ 50% đến dưới 60%	2.5		
		- Đạt dưới 50%	0		
b)		Đánh giá của đối tượng thụ hưởng các hoạt động PBGDPL cụ thể về các nội dung sau:	15		
		- Đối với hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật thông qua tổ chức hội nghị:	3		
		+ Chất lượng thông tin pháp luật được cung cấp (xác định thông qua tỉ lệ % hài lòng của đối tượng thụ hưởng hoạt động PBGDPL)	1		
		Đạt 100%	1		
		Đạt từ 90% đến dưới 100%	0.9		
		Đạt từ 80% đến dưới 90%	0.8		
		Đạt từ 70% đến dưới 80%	0.7		

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguồn kiểm chứng
		Đạt từ 60% đến dưới 70%	0.6		
		Đạt từ 50% đến dưới 60%	0.5		
		Đạt dưới 50%	0		
		+ Công tác tổ chức và thực hiện các hoạt động PBGDPL (chất lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên; thời gian tổ chức; địa điểm tổ chức; phương tiện, vật chất phục vụ)	2		
		Tốt	2		
		Khá	1.5		
		Trung bình	1		
		Hạn chế	0		
		- Đối với hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật thông qua phương tiện thông tin đại chúng	3		
		+ Chất lượng thông tin pháp luật được cung cấp (xác định thông qua tỉ lệ % hài lòng của đối tượng thụ hưởng hoạt động PBGDPL)	1		
		Đạt 100%	1		
		Đạt từ 90% đến dưới 100%	0.9		
		Đạt từ 80% đến dưới 90%	0.8		
		Đạt từ 70% đến dưới 80%	0.7		
		Đạt từ 60% đến dưới 70%	0.6		
		Đạt từ 50% đến dưới 60%	0.5		
		Đạt dưới 50%	0		
		+ Công tác tổ chức và thực hiện (thời lượng, phương tiện thông tin)	2		
		Tốt	2		
		Khá	1.5		
		Trung bình	1		
		Hạn chế	0		
		- Đối với hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật thông qua cấp phát sách, tài liệu	3		
		+ Chất lượng thông tin pháp luật được cung cấp (xác định thông qua tỉ lệ % hài lòng của đối tượng thụ hưởng hoạt động PBGDPL)	1		
		Đạt 100%	1		

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguồn kiểm chứng
		Đạt từ 90% đến dưới 100%	0.9		
		Đạt từ 80% đến dưới 90%	0.8		
		Đạt từ 70% đến dưới 80%	0.7		
		Đạt từ 60% đến dưới 70%	0.6		
		Đạt từ 50% đến dưới 60%	0.5		
		Đạt dưới 50%	0		
		+ Công tác tổ chức và thực hiện (thời gian, địa điểm, đối tượng cấp phát)	2		
		Tốt	2		
		Khá	1.5		
		Trung bình	1		
		Hạn chế	0		
		- Đối với hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật thông qua cuộc thi tìm hiểu pháp luật hoặc qua mô hình PBGDPL (câu lạc bộ pháp luật, phiên tòa giả định, đối thoại, tọa đàm ...)	3		
		+ Chất lượng thông tin pháp luật được cung cấp (xác định thông qua tỉ lệ % hài lòng của đối tượng thụ hưởng hoạt động PBGDPL)	1		
		Đạt 100%	1		
		Đạt từ 90% đến dưới 100%	0.9		
		Đạt từ 80% đến dưới 90%	0.8		
		Đạt từ 70% đến dưới 80%	0.7		
		Đạt từ 60% đến dưới 70%	0.6		
		Đạt từ 50% đến dưới 60%	0.5		
		Đạt dưới 50%	0		
		+ Công tác tổ chức và thực hiện	2		
		Tốt	2		
		Khá	1.5		
		Trung bình	1		
		Hạn chế	0		
		- Đối với hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật thông qua hình thức khác	3		

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguồn kiểm chứng
		+ Chất lượng thông tin pháp luật được cung cấp (xác định thông qua tỉ lệ % hài lòng của đối tượng thụ hưởng hoạt động PBGDPL)	1		
		Đạt 100%	1		
		Đạt từ 90% đến dưới 100%	0.9		
		Đạt từ 80% đến dưới 90%	0.8		
		Đạt từ 70% đến dưới 80%	0.7		
		Đạt từ 60% đến dưới 70%	0.6		
		Đạt từ 50% đến dưới 60%	0.5		
		Đạt dưới 50%	0		
		+ Công tác tổ chức và thực hiện	2		
		Tốt	2		
		Khá	1.5		
		Trung bình	1		
		Hạn chế	0		
2.2	Mức độ tác động của các hoạt động phổ biến giáo dục Luật Thủ đô năm 2024	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	25		- Kết quả khảo sát trước và sau hoạt động phổ biến giáo dục Luật Thủ đô năm 2024. - Điều tra xã hội học theo mẫu
		Tỷ lệ % số lượng người có sự cải thiện về nhận thức pháp luật giữa thực tế đạt được và dự kiến đạt được theo Kế hoạch	25		
		- Đạt 100%	25		
		- Từ 90% đến dưới 100%	22.5		
		- Từ 80% đến dưới 90%	20		
		- Từ 70% đến dưới 80%	17.5		
		- Từ 60% đến dưới 70%	15		
		- Từ 50% đến 60%	12.5		
		- Dưới 50%	0		
2.3	ĐIỂM THƯỞNG	Các đơn vị, địa phương có thành tích xuất sắc trong công tác phổ biến giáo dục Luật Thủ đô:	10		
		- Vượt các chỉ tiêu về số lượng và chất lượng hoạt động PBGD Luật Thủ đô	2.5		
		- Tạo ra sự lan toả sâu rộng về các chính sách quy định trong Luật Thủ đô	2.5		
					Kết quả khảo sát Các giấy khen liên quan đến việc triển khai thi hành Luật Thủ đô/

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguyên kèm chứng
		- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức đối với các quy định của Luật Thủ đô	2.5		Không có hành vi vi phạm quy định của Luật Thủ đô
		- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và có nhiều đổi mới sáng tạo trong công tác phổ biến giáo dục Luật Thủ đô	2.5		
		Tổng cộng	100		